TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-03-2025.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tâm**

2. Bà **Nguyễn Thị Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07/03/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ G, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Bùi Thanh L**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ G, ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin vắng mặt; Anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2024 chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, cãi nhau. Nhiều lần chị cho anh L cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2000. Hiện con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2024, anh Bùi Thanh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Anh L thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, có chửi mắng, hâm dọa đánh chị H. Nay anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, lý do là anh còn thương vợ, thương con, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2000. Hiện con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Căn cước công dân Nguyễn Thị H (bản photo);

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính);

- Trích lục khai sinh Bùi Thị Mỹ D (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thanh L, nên Hội

đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con".*

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Bùi Thanh L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Đồng Thời, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Thanh L và chị Nguyễn Thị H.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 04/8/2006 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị H yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân không thể tiếp tục, sống chung không còn hạnh phúc và hiện vợ chồng không còn sống chung. Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 04/11/2024, anh L cũng thừa nhận vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống. Nay anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung chị H và anh L có 01 con chung tên Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0009117 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

- Về con chung: Chị H và anh L thống nhất có 01 con chung tên Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2000. Hiện nay, con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0009117 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh